

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban ... Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 1.** Nội dung Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

#### 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

##### 1.2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ mà doanh nghiệp đã được nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương thì không thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này đối với nội dung hỗ trợ đã được nhận.

- Ưu tiên hỗ trợ cho doanh nghiệp có dự án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở chế biến, tham gia liên kết chuỗi giá trị đối với các sản phẩm cây ăn quả; dự án sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ hoặc thực hành nông nghiệp tốt (GAP); ứng dụng công nghệ cao.

### **3. Các chính sách hỗ trợ, bao gồm**

#### **3.1. Hỗ trợ lãi suất vay thương mại**

##### **a) Điều kiện hỗ trợ**

- Doanh nghiệp có dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Dự án đầu tư đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

- Hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

b) Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ, tối đa 1%, tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng, theo từng quy mô tổng vốn đầu tư của dự án theo nguyên tắc lũy tiến như sau:

- Dự án có vốn đầu tư dưới 100 tỷ đồng: Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng, trong thời gian tối đa 02 năm.

- Dự án có vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: Mức hỗ trợ được tính không quá 50 triệu đồng cho mỗi 100 tỷ đồng vốn đầu tư tăng thêm, trong thời gian tối đa 03 năm.

- Dự án có vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng: Mức hỗ trợ được tính không quá 50 triệu đồng cho mỗi 200 tỷ đồng vốn đầu tư tăng thêm, trong thời gian tối đa 04 năm.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

#### **3.2. Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) tại các khu, vùng tập trung đất đai**

a) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư có hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh theo hướng nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 03 ha trở lên.

- Doanh nghiệp đã hoàn thành việc đánh giá và được cấp Giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) do các cơ quan, tổ chức đủ điều kiện theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

b) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần, tối đa 50% chi phí thực tế, không quá 50 triệu đồng để thực hiện việc đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).

**4. Nguồn vốn hỗ trợ:** Ngân sách tỉnh; các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Nghị quyết số 102/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa ... Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.*

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH; VPCP; Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo); TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT; hồ sơ kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**